

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 3 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan và ông Dương Quốc Phòng
- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên toà:** Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 2003; nơi cư trú: thôn Trung Thái, xã Thái Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
- Bị đơn:** **Anh Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1994; nơi cư trú: **Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình**; hiện làm việc tại: **Số C P, Chung cư P, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**.
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L:** Ông Nguyễn Thái T - Luật sư, **Văn phòng L1**; địa chỉ: **Tổ dân phố P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình**.

Tại phiên tòa nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày:

Chị **Nguyễn Thị L** và anh **Nguyễn Văn Đ** kết hôn vào ngày 24/02/2023 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận khoảng hơn một tháng tại gia đình bố mẹ chị **L** rồi anh **Đ** bỏ đi hơn một năm nay anh chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện tình cảm anh chị không còn nên chị **L** làm đơn xin ly hôn anh **Nguyễn Văn Đ** để ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung là **Nguyễn Ngọc Mai P**, sinh ngày 28/8/2023. Sau khi chị **L** sinh con được một tháng thì anh **Đ** bỏ đi cho đến nay, không về thăm con. Sau khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị **L** mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị **L** trình bày vợ chồng mới kết hôn không có tài sản chung; không có nợ chung.

Phía bị đơn - anh **Nguyễn Văn Đ**: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh **Đ** đến làm việc vào ngày 26/11/2024 và ngày 17/02/2025 nhưng anh **Đ** vắng mặt không có lý do.

Chị **L** trình bày anh **Đ** hiện không có mặt tại phương mà đã đi làm ăn tại **Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Do đó, Tòa án ban hành Quyết định ủy thác số: 265/QĐ-TA ngày 17/02/2025 cho Tòa án nhân dân Quận Tân Bình tiến hành thu thập chứng cứ. Tại bản tự khai ngày 24/02/2025, anh **Nguyễn Văn Đ** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị L** đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2023 tại **UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính cách không hòa hợp. Chị **L** khởi kiện ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh thừa nhận quá trình sinh sống vợ chồng có 01 con chung là **Nguyễn Ngọc Mai P**, sinh ngày 28/8/2023. Sau ly hôn, anh đồng ý giao chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng con **Nguyễn Ngọc Mai P** và anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị **L** vì không đủ điều kiện kinh tế.

Về tài sản chung của vợ chồng, không có. Vì điều kiện làm ăn xa nên anh **Đ** đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết vắng mặt anh trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị **L** giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh **Đ** và trực tiếp nuôi con **Nguyễn Ngọc Mai P**; chị cam đoan đủ khả năng một mình nuôi con trưởng thành nên không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn có ý kiến: Chị **Nguyễn Thị L** và anh **Nguyễn Văn Đ** có đăng ký kết hôn hợp pháp, vợ chồng chị **L** chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh **Đ** bỏ đi không quan tâm cuộc sống mẹ con chị **L**. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị **Nguyễn Thị L** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Đ**; áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao chị **Nguyễn Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng con **Nguyễn Ngọc Mai P**, sinh ngày 28/8/2023; chị **L** không yêu cầu anh **Nguyễn Văn Đ** đóng góp tiền nuôi con; về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Đối với các bên đương sự, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ chứng cứ và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia các phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử, về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị L**, xử cho chị **Nguyễn Thị L** được ly hôn với anh **Nguyễn**

Văn Đ; về quan hệ con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Mai P, sinh ngày 28/8/2023; anh Nguyễn Văn Đ không đóng góp tiền nuôi con; về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Không xem xét.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án: buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Nguyễn Văn Đ, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; anh Đ có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú là Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi làm việc hiện tại: Số C P, Chung cư P, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và anh Đ đồng ý Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch giải quyết vụ án, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình ngày 24/02/2023 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với nhau được một hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L có nguyện vọng xin ly hôn anh Đ. Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, các bên đương sự mong muốn được ly hôn, đã sống ly thân, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp.

Về quan hệ con chung: Chị L và anh Đ đều thống nhất trình bày có 01 con chung Nguyễn Ngọc Mai P, sinh ngày 28/8/2023. Tại phiên tòa và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của anh Đ, chị L và anh Đ đều giữ nguyên quan điểm giao chị L trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc Mai P, anh Đ không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: không có.

Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt anh **Nguyễn Văn Đ.**

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị L.**, xử cho chị **Nguyễn Thị L.** được ly hôn anh **Nguyễn Văn Đ.**

3. Về quan hệ con chung: Giao chị **Nguyễn Thị L.** trực tiếp nuôi dưỡng con là **Nguyễn Ngọc Mai P.**, sinh ngày 28/8/2023. Chị **L.** cam đoan đủ khả năng một mình nuôi con trưởng thành nên không yêu cầu anh **Đ.** cấp dưỡng tiền nuôi con do đó anh **Đ.** không có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị **L.**

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị **L.** và anh **Đ.** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí vụ kiện: Chị **Nguyễn Thị L.** phải nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị **L.** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002754 ngày 08 tháng 11 năm 2024. Chị **L.** đã nộp đủ án phí vụ kiện.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/3/2025); anh **Đ.** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bồ Trách;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Thái Thủy;
- (GCNKH số: 12, ngày 24/02/2023)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Phương